

SỰ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC NGƯỜI CHĂM Ở HAI TỈNH NINH THUẬN VÀ BÌNH THUẬN

T. LONG

Đồng bào Chăm là một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, luôn hoà vào khối đại đoàn kết dân tộc trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

Trong những năm qua, nhờ sự nỗ lực tự thân và sự đầu tư, hỗ trợ to lớn theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước¹, đồng bào Chăm đã đạt được những thành tựu đáng kể về nhiều mặt. Tuy vậy, tốc độ phát triển kinh tế - xã hội còn chậm, tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển của đồng bào; hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn yếu, lực lượng đảng viên, cán bộ cốt cán người Chăm còn mỏng. Một số lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp chưa nhận thức rõ tính đặc thù của đồng bào Chăm, không thường xuyên chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách và tuyên truyền vận động quần chúng để tránh sự lợi dụng kích động, chia rẽ nên còn tiềm ẩn một số nhân tố bất lợi cho khối đại đoàn kết dân tộc mà địch có thể lợi dụng².

Những hạn chế và bất cập nói trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có sự bất cập về nhận thức tính đặc thù tộc người của cán bộ

các cấp trong công tác chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách cũng như vận động, tuyên truyền quần chúng. Chính sự bất cập này đã tạo khoảng cách giữa mục tiêu và thành quả phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là xây dựng hệ thống chính trị cơ sở và phát triển lực lượng đảng viên và cán bộ người Chăm, hạn chế sự nhích gần và gắn bó của người Chăm với cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam.

Sự bất cập này cần được khắc phục, dù không phải một sớm một chiều, nhưng cấp thiết. Bài báo này góp phần làm sáng tỏ tác động của một số nhân tố tới đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực Chăm.

Ảnh hưởng của chính sách đào tạo và sử dụng cán bộ các dân tộc thiểu số

Đào tạo đội ngũ cán bộ và trí thức người Chăm

Từ năm 1975 đến nay, đồng thời với xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, việc phát triển nguồn nhân lực và đào tạo đội ngũ cán bộ cốt cán người Chăm cũng rất được chú trọng. Trước 1975 đa số người Chăm mù chữ Chăm và chữ Việt; đa số thanh niên Chăm chưa học hết lớp hai và có khoảng 80% trẻ em không được đến trường. Sau 1975, số học sinh đến trường đã tăng nhanh chóng: Năm 1977 tỷ lệ học sinh Chăm chiếm 10,4% tổng số học sinh phổ thông của tỉnh Thuận Hải. Năm 1985 số học sinh đến trường đã chiếm 2/3 trẻ em ở tuổi đi học (Phan An, 1989: 358 - 359). Đến nay, 100% số xã của hai tỉnh

¹ Nghị quyết số 22 - NQ/TW của Bộ Chính trị tháng 11/1989, Quyết định số 72 - QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng tháng 3/1990 về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Chỉ thị số 121 - CT/TW tháng 3/1981 và Thông tri số 03 - TT/TW tháng 10/1991 của Ban chấp hành TW Đảng về công tác đối với đồng bào Chăm.

² Chỉ thị số 06/2004/CT - TTg ngày 18 tháng 02 năm 2004.

Ninh Thuận và Bình Thuận đã xoá mù chữ và phổ cập tiểu học, đang trong quá trình phổ cập trung học cơ sở³. Học sinh ng-ời Chăm chiếm 95% tổng số học sinh các tr-ờng dân tộc nội trú.

Sự hoàn thiện hệ thống tr-ờng lớp ở vùng đồng bào Chăm là một trong những nhân tố quan trọng làm nên những thành quả vừa nêu. Thời Pháp thuộc, cả tỉnh Bình Thuận chỉ có 3 tr-ờng tiểu học. Hiện nay, 100% số xã có ng-ời Chăm ở tỉnh Bình Thuận cũng nh-tỉnh Ninh Thuận có tr-ờng tiểu học và trung học cơ sở. Các huyện đều có tr-ờng phổ thông trung học. Hệ thống tr-ờng phổ thông dân tộc nội trú đang phát triển (tỉnh Ninh Thuận có 2 tr-ờng tiểu học, 1 tr-ờng phổ thông trung học; tỉnh Bình Thuận có 3 tr-ờng tiểu học, 1 tr-ờng phổ thông trung học). Trong các tr-ờng tiểu học, học sinh đ-ợc học tiếng và chữ Chăm. Năm học 2002-2003, tỉnh Bình Thuận có 95 lớp với 3.500 học sinh đ-ợc học tiếng Chăm; tỉnh Ninh Thuận có 318 lớp với 9.695 học sinh đ-ợc học tiếng Chăm. Hàng năm số học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học đ-ợc cử tuyển vào các tr-ờng đại học hoặc dự bị đại học Trung - ơng. Tính đến năm 2003, tỉnh Ninh Thuận có khoảng 650 em đã ra tr-ờng hoặc đang học đại học. Tỉnh Bình Thuận, trong giai đoạn 1993 – 2004, có 128 sinh viên thuộc hệ cử tuyển⁴. Tuy vậy, chất l-ợng giáo dục ở vùng Chăm ch-a cao, học sinh yếu,

kém chiếm tỷ lệ cao; tỉ lệ học sinh khá giỏi chỉ khoảng 22,5%⁵.

Về chuyên môn, nghiệp vụ, số ng-ời Chăm học cao đẳng và đại học theo chế độ cử tuyển khá đồng, nh-ng tập trung chủ yếu ở ngành y và s- phạm. □ tỉnh Bình Thuận, tỉ lệ cán bộ Chăm thuộc ngành giáo dục chiếm tới 70,9%; tỉ lệ cán bộ y tế chiếm 22% tổng số cán bộ đ-ợc điều tra năm 2004⁶. □ tỉnh Ninh Thuận, tỉ lệ cán bộ ng-ời Chăm làm việc ở tỉnh và huyện thuộc ngành y chiếm 23%, thuộc ngành giáo dục là 21,7%, ngành văn hoá và khoa học là 11,2%, cán bộ xã ph-ờng là 11,2%, thuộc các ngành khác là 32,9% (Đổng Văn Dinh, 2005: 59 - 63). □ huyện Ninh Ph-ớc, nơi tập trung 80% dân số Chăm toàn tỉnh Ninh Thuận, số ng-ời Chăm làm việc trong ngành giáo dục chiếm tới 80,1%, trong ngành y tế là 13,6%⁷. Nh-vậy, ở tỉnh Ninh Thuận ngành học đ-ợc ng-ời Chăm lựa chọn đã đa dạng hơn ở tỉnh Bình Thuận. Mặc dù vậy, tỉ lệ cán bộ đ-ợc đào tạo theo ngành giáo dục và y tế so với các ngành khác vẫn cao.

Về trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật, tính đến năm 2003, ng-ời Chăm ở tỉnh Ninh Thuận đã có 3 tiến sĩ, 4 thạc sĩ, 6 giáo viên cao đẳng và trung học dạy nghề, 60 giáo viên trung học, 827 giáo viên phổ thông các cấp; 57 bác sĩ và 200 y sĩ, y tá. Tính đến năm 2003, tỉnh Bình Thuận có 190 ng-ời tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp (chiếm 0,64% dân số Chăm), 20 công nhân lành

³ Xã Ph-ớc Thái (huyện Ninh Ph-ớc) đã hình thành phổ cập trung học cơ sở.

⁴ Báo cáo của Ban Dân vận tỉnh uỷ Ninh Thuận số 03 BC/DV ngày 22/5/2003; Báo cáo của UBND tỉnh Ninh Thuận số 2887/KH - UB ngày 18/10/2004; Báo cáo của UBND tỉnh Bình Thuận số 75/UBBT - NLN ngày 07/11/2003; Biểu tổng hợp sinh viên hệ cử tuyển tỉnh Bình Thuận 1993 - 2004 của Ban Dân tộc tỉnh; Báo cáo của Sở Giáo dục tỉnh Ninh Thuận số 153/THPT ngày 05/7/2000.

⁵ Báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận số 30 BC/DT - CSĐT ngày 20/3/2005; Báo cáo của Tỉnh uỷ Ninh Thuận số 127 - BC/TU ngày 28/12/2000.

⁶ Báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận năm 2005.

⁷ Báo cáo của UBND huyện Ninh Ph-ớc năm 2005.

nghề, 93 cán bộ y tế, trong đó có 23 bác sĩ, 35 y sĩ, 16 nữ hộ sinh và 15 y tá.

Sử dụng đội ngũ cán bộ Chăm đ- ọc đào tạo

Số cán bộ ng- ời Chăm làm việc ở các cấp nh- sau: 1 Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, 1 Cục phó Cục đ- ờng bộ, 2 tỉnh uỷ viên, 4 đại biểu HĐND tỉnh, 6 cán bộ lãnh đạo các sở, ngành của tỉnh, 69 cán bộ công chức đang công tác ở các sở, ban, ngành của tỉnh, 1 bí th- kiêm chủ tịch UBND huyện, 1 chủ tịch UBND huyện, 1 phó chủ tịch HĐND, 4 th- ờng vụ huyện uỷ, 5 tr- ởng ngành của huyện⁸.

Xét theo cơ cấu công chức, viên chức (CCVC) ở hai tỉnh, tỷ lệ ng- ời Chăm trong tổng số CCVC là ng- ời dân tộc thiểu số của tỉnh vào loại cao nhất (62,8% ở tỉnh Bình Thuận và 72,9% ở tỉnh Ninh Thuận). Tỷ lệ CCVC ng- ời Chăm trong tổng số CCVC toàn tỉnh là 2,3% ở tỉnh Bình Thuận và 4,35% ở tỉnh Ninh Thuận⁹.

Sự không cân đối trong cơ cấu đội ngũ cán bộ ng- ời Chăm còn thể hiện ở cơ cấu

CCVC khác nhau giữa các địa ph- ơng.

Một điểm đáng l- u ý là đánh giá sự phát triển nguồn nhân lực không chỉ đ- ọc tính bằng số l- ợng cán bộ, mà phải so sánh với tỉ trọng dân số - lao động của từng địa ph- ơng. Chẳng hạn Ninh Ph- ớc là huyện có tỉ lệ CCVC cao nhất so với các huyện Chăm khác thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, nh- ng số ng- ời Chăm nơi đây chiếm tới 81,8% dân số Chăm toàn tỉnh Ninh Thuận và 33,2% dân số Chăm ở hai tỉnh.

Qua tỉ lệ CCVC so với tỉ lệ dân số Chăm vừa nêu có thể thấy ở tỉnh Ninh Thuận cần đẩy mạnh hơn nữa việc đào tạo bồi d- ỡng cán bộ ng- ời dân tộc Chăm để họ đảm đ- ơng công việc của dân tộc mình và cùng chung sức gánh vác trách nhiệm với các dân tộc anh em trong tỉnh. □ cả hai tỉnh số ng- ời đ- ọc đào tạo còn ch- a đa dạng về ngành nghề. Do đó, ngoài hai ngành y tế và giáo dục, cán bộ ng- ời Chăm ch- a tham gia rộng rãi vào các sở ngành khác của địa ph- ơng.

Bảng 1.: Cơ cấu CCVC và cơ cấu dân số của các huyện có ng- ời Chăm thuộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận

Cơ cấu	Ninh Thuận						
	Tổng số	Ninh Ph- ớc	Ninh Hải	Ninh Sơn			
CCVC	100	86,9	11,1	1,96			
Dân số	100	81,8	14,8	3,42			
Cơ cấu	Bình Thuận						
	Tổng số	Bắc Bình	Tuy Phong	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	Hàm Tân	Tánh Linh
CCVC	100	58,0	36,3	3,61	0,00	2,58	0,26
Dân số	100	59,0	14,3	12,9	6,27	4,09	3,33

Nguồn: - Ban Dân tộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, năm 2005.

⁸ Báo cáo của Sở Nội vụ tỉnh Bình Thuận tháng 6 năm 2004.

⁹ Báo cáo của UBND tỉnh Ninh Thuận số 47/BC- UB ngày 16/8/2004.

- Nghiên cứu thực địa, năm 2005.

Số liệu bảng trên cho thấy, tỉ lệ CCVC ng- ời Chăm của các huyện ở tỉnh Ninh

Thuận gần tương ứng với tỉ lệ dân số người Chăm. Trong khi đó ở tỉnh Bình Thuận tỉ lệ CCVC người Chăm của huyện Tuy Phong lớn hơn tỉ lệ dân số người Chăm của huyện này 2,54 lần. Ngược lại, Hàm Tân và Tánh Linh tỉ lệ CCVC thấp hơn tỉ lệ dân số người Chăm. □ huyện

Bắc Bình, hai tỉ lệ này tương đương nhau.

Sự mất cân đối trên đã được điều chỉnh bằng biện pháp đào tạo cán bộ thông qua hệ cử tuyển sinh viên đại học. Số liệu về cơ cấu sinh viên cử tuyển của tỉnh Bình Thuận từ 1993 - 2004 cho thấy sự điều chỉnh này.

Bảng 2. Cơ cấu sinh viên cử tuyển của tỉnh Bình Thuận từ 1993 - 2004

Đ.v: %

Toàn tỉnh	Bắc Bình	Tuy Phong	Hàm Thuận Bắc	Hàm Thuận Nam	Hàm Tân	Tánh Linh
100	23,2	28,6	20,5	6,25	8,93	12,5

Nguồn: Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận, năm 2005.

Tuy sự điều chỉnh trên chưa phải đã hoàn toàn sát hợp, nhưng dù sao cũng tạo đà cho các huyện còn yếu về đội ngũ cán bộ người Chăm trong phát triển nguồn nhân lực của địa phương mình.

Xem xét cơ cấu đội ngũ CCVC người Chăm theo tôn giáo cũng thấy có sự khác biệt đáng kể. Bảng số liệu dưới đây sẽ cho thấy sự khác biệt này.

Bảng 3. Cơ cấu đội ngũ công chức viên chức theo tôn giáo ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận

Đ.v: %

Tỉnh	Tổng số	Bà la môn	Bà ni	Islam
Ninh Thuận	100	77,0	21,7	1,24
Bình Thuận	100	74,5	25,5	0,00

Nguồn: - Ban Dân tộc hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, năm 2005.

- Nghiên cứu thực địa, năm 2005.

Những số liệu trên cho thấy, ở cả hai tỉnh số cán bộ CCVC người Chăm thuộc đạo Bà la môn chiếm 3/4 tổng số cán bộ người Chăm theo tôn giáo. Tỉ lệ này khác với tỉ lệ tín đồ tôn giáo ở hai tỉnh (Tín đồ Bà la môn: 56,5%, Bà ni: 39,3%, Islam: 3,44%).

Đội ngũ cốt cán trong hệ thống chính trị ở cơ sở

Hạt nhân của hệ thống chính trị là các đảng viên. Tổng số đảng viên người Chăm của tỉnh Ninh Thuận là 254, của tỉnh Bình Thuận là 136. Số đảng viên này chủ yếu được phát triển sau 1975¹⁰. So với tổng dân số người Chăm, số đảng viên chỉ chiếm

¹⁰ Báo cáo của Ban Dân vận tỉnh uỷ Ninh Thuận số 03 BC/DV ngày 22/5/2003; Báo cáo của UBND tỉnh Bình Thuận số 75/UBBT - NLN ngày 07/11/2003.

khoảng 0,4% ở tỉnh Ninh Thuận và 0,44% ở tỉnh Bình Thuận. Tỷ lệ này ở vùng nông thôn còn thấp hơn. □ tỉnh Bình Thuận trong tổng số 136 đảng viên ng-ời Chăm chỉ có 49 đảng viên ở nông thôn, trong khi dân số nông thôn chiếm 91%¹¹.

Số cán bộ chủ chốt cấp cơ sở¹² (xã/ph-òng/ thị trấn) là ng-ời Chăm chiếm 8,05% tổng số cán bộ chủ chốt của toàn tỉnh Ninh Thuận và 2,27% ở tỉnh Bình Thuận¹³. Tỷ lệ cán bộ chủ chốt so với tổng dân số ng-ời Chăm ở tỉnh Ninh Thuận là 6%, tỷ lệ này ở tỉnh Bình Thuận là 16%. So với ng-ời Kinh tỷ lệ này thấp hơn nh-ng không đáng kể. Nh- vậy, vấn đề đặt ra đối với hệ thống chính trị ở cơ sở của ng-ời Chăm là phát triển đảng viên để bảo đảm chất l-ợng của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

□ một số xã tỷ lệ cán bộ ng-ời Chăm còn cao hơn tỷ lệ dân số. Chẳng hạn ở xã Ph-ớc Thái (huyện Ninh Ph-ớc) ng-ời Chăm chiếm 61,4% dân số toàn xã, nh-ng tỷ lệ cán bộ chiếm tới 72%. □ xã Ph-ớc Nam (cùng huyện Ninh Ph-ớc) ng-ời Chăm chiếm 72,5% dân số xã, nh-ng tỷ lệ cán bộ ng-ời Chăm là 85,7% số cán bộ chủ chốt trong xã. □ xã Xuân Hải (huyện Ninh Hải), trong số 113 hộ gia đình chính sách (có công với n-ớc) của xã chỉ có 01 hộ ng-ời Chăm, số đảng viên ng-ời Chăm thuộc hai thôn Ph-ớc Nhơn và An Nhơn chỉ chiếm 11,8% số đảng

viên toàn xã, nh-ng số cán bộ chủ chốt ng-ời Chăm chiếm 42%. Cùng xã này, ng-ời Kinh chiếm 47,5% dân số toàn xã, nh-ng chiếm tới 99% số hộ gia đình chính sách. □ xã Ph-ớc Thái, ng-ời Kinh chiếm 32,7% dân số trong xã, số hộ chính sách chiếm tới 88,4% toàn xã, nh-ng số cán bộ chủ chốt chỉ có 28%¹⁴.

Những số liệu trên cho thấy Nhà n-ớc và chính quyền địa ph-ong đã lấy lợi ích và lòng tin vào đồng bào Chăm làm cơ sở và mục đích của việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vùng ng-ời Chăm. Điều này phản ánh chiến l-ợc "lấy dân làm gốc" của Đảng và Nhà n-ớc Việt Nam.

Ảnh h□ng của truyền thống hiếu học tới sự phát triển nguồn nhân lực ng-ời Chăm

Trong sự nghiệp phát triển giáo dục ngoài sự quan tâm to lớn của Nhà n-ớc, sự nỗ lực tự thân của đồng bào Chăm cũng là một nhân tố nội lực quan trọng. Một trong những biểu hiện của sự nỗ lực này là công tác khuyến học của các cộng đồng dòng họ và làng. Toàn vùng ng-ời Chăm tỉnh Ninh Thuận đều có hội khuyến học của làng và của các dòng họ. Ba xã gần nh- thuận Chăm ở tỉnh Bình Thuận là Phan Thanh, Phan Hiệp và Phan Hoà (huyện Bắc Bình) đều có hội khuyến học.

Điều đáng chú ý là ở những xã có cả ng-ời Chăm và ng-ời Kinh sinh sống nh- Ph-ớc Thái, Xuân Hải thì chỉ ng-ời Chăm có hội khuyến học. Điều này cho thấy sự hiếu học, khuyến học của ng-ời Chăm thật đáng trân trọng.

Quý của hội khuyến học do các gia đình và các học sinh đã ra nghề đóng góp. Chẳng

¹¹ Ban Dân tộc tỉnh Bình Thuận, năm 2005.

¹² Gồm các chức danh sau: Bí th- và Phó Bí th- đảng uỷ/Chi uỷ xã, Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND xã, Chủ tịch và Phó Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội nông dân, Chủ tịch Hội phụ nữ, Bí th- Đoàn TNCSHCM.

¹³ Bảng thống kê cán bộ chủ chốt cấp cơ sở là ng-ời dân tộc thiểu số, tính đến tháng 7/2004 của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 16/8/2004; Sở Nội vụ Bình Thuận, 6/2004.

¹⁴ Báo cáo của Đảng uỷ & UBND các xã Ph-ớc Nam, Ph-ớc Thái, Xuân Hải, năm 2005.

hạn nh- quỹ của hội khuyến học thôn Nh- Bình có 160 triệu đồng. Số tiền này đ- ợc Hợp tác xã nông nghiệp của thôn vay với lãi suất 2%/tháng, phần lãi hỗ trợ cho học sinh theo chế độ nh- sau:

- Học sinh đi thi chuyển cấp: 10.000 - 15.000đ/em (từ cấp tiểu học đến cấp PTTH).
- Hỗ trợ tàu xe cho sinh viên đại học và cao đẳng và học sinh trung học chuyên nghiệp:
 - + Ngoài tỉnh: 50.000 đồng/em/năm.
 - + Trong tỉnh: 40.000 đồng/em/năm.
- Th- ưởng học sinh giỏi:
 - + Tiểu học: 30.000 đồng/em
 - + Trung học cơ sở: 40.000 đồng/em
 - + Trung học phổ thông: 50.000 đồng/em
- Học viên cao học, sinh viên đại học, sinh viên cao đẳng, học sinh trung học chuyên nghiệp:
 - + Cao học: 150.000 đồng/suất/năm
 - + Sinh viên đại học: 100.000 đồng/suất/năm
 - + Sinh viên cao đẳng và học sinh trung học chuyên nghiệp: 80.000 đồng/suất/năm.
- Sinh viên đạt điểm trung bình cả năm học 6,5 điểm: đ- ợc 80.000 đồng/suất/năm
- Học sinh thuộc diện nghèo, gia đình chính sách nh- ng học khá giỏi:
 - + Tiểu học: 20.000 đồng/suất/năm
 - + Trung học cơ sở: 30.000 đồng/suất/năm
 - + Trung học phổ thông: 50.000 đồng/suất/năm

Mức hỗ trợ hoặc khen th- ưởng trên tuy không nhiều, nh- ng có tác dụng động viên, khích lệ rất lớn, đồng thời cũng thúc đẩy học sinh thi đua v- ơn lên. Vì vậy, vai trò của nó không nhỏ.

Nhận xét

Để phục vụ cho việc quản lý và phát triển nguồn nhân lực Chăm, Nhà n- ớc đã đào tạo đội ngũ cán bộ và trí thức Chăm khá đông

đảo và có trình độ. Tuy vậy, chất l- ợng của đội ngũ này còn có mặt hạn chế do nguồn cử tuyển nhiều. Mặt khác, nguồn cán bộ đ- ợc đào tạo ch- a đa dạng, còn tập trung vào ngành y tế và giáo dục. Điều này hạn chế sự tham gia của cán bộ ng- ời Chăm vào những lĩnh vực kinh tế - xã hội khác của đất n- ớc.

Về cơ cấu và tỉ trọng cán bộ Chăm theo dân số ở từng địa ph- ơng và tôn giáo, tỉ lệ cán bộ Chăm ở hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận tuy cao hơn so với các dân tộc thiểu số khác, nh- ng vẫn thấp hơn so với tỉ trọng dân số khá nhiều, rõ rệt nhất là ở tỉnh Ninh Thuận (4,35% CCVC ng- ời Chăm so với 12,2% tỉ trọng dân số). Giữa các huyện trong tỉnh và giữa các tôn giáo cũng ch- a có sự cân đối giữa tỉ lệ dân số và tỉ lệ CCVC ng- ời Chăm.

Hy vọng với truyền thống văn hiến và hiếu học vốn có, cùng với sự hỗ trợ của Nhà n- ớc với các chính sách đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực đa dạng đội ngũ cán bộ và trí thức Chăm sẽ phát triển ngày càng toàn diện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí th- Trung - ơng Đảng. *Thông tri 03 - TT/TW ngày 17.10.1991 của Ban Bí th- Trung - ơng Đảng về công tác đối với đồng bào Chăm.*
2. Báo cáo của UBND các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận có liên quan đến dân tộc Chăm.
3. Báo cáo của UBND các huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận, các huyện Ninh Hải, Ninh Ph- ớc tỉnh Ninh Thuận về dân tộc Chăm.
4. Báo cáo của Ban Dân tộc, Ban tôn giáo, Sở Công an, Sở NN&PTNT, Sở Giáo dục, Sở Nội vụ của các tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận có liên quan đến dân tộc Chăm.

5. Phan Xuân Biên (*chủ biên*), Phan An, Phan Văn Dớp: *Ng- ời Chăm ở Thuận Hải. Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải* xuất bản, 1989.
6. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dớp. *Văn hoá Chăm*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.
7. Champaka. *Những cuộc vùng dậy của nhân dân Chămpa 1693-2004*. Paris-San Jose- Toronto, 2004, No 4.
8. Cục thống kê tỉnh Bình Thuận. *Kết quả điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản năm 2001*.
9. Đồng Văn Dinh. *Ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo đối với đời sống tinh thần ng- ời Chăm Ninh Thuận hiện nay: Thực trạng và giải pháp*. Luận văn thạc sĩ Triết học, Hà Nội, 2005.
10. Mạc Đ- ờng. *Biến đổi xã hội và những động thái phát triển của ngôn ngữ*, trong "Những vấn đề ngôn ngữ về các ngôn ngữ Ph- ong Đông". Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 1986.
11. Mạc Đ- ờng. *Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đối với vấn đề dân tộc ít ng- ời ở miền Nam n- ớc ta*. Tạp chí Dân tộc học, số 02/1977.
12. Huyện uỷ Bắc Bình. *Truyền thống đấu tranh Cách mạng (1930 - 1975)*, 2000.
13. Inrasara. *Văn hoá - xã hội Chăm: Nghiên cứu và đối thoại*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003.
14. Viện Đào tạo mở thành phố Hồ Chí Minh. *Kinh tế - Văn hoá Chăm*, 1992.
15. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1930 - 1975)*. Phan Rang, 6 - 1995.
16. *Lịch sử Đảng bộ huyện Ninh Hải (1975 - 2000)*. Tháng 12/2004.
17. Mah Mod. *Chính sách Mỹ ngụy đối với ng- ời Chăm*. Tạp chí Dân tộc học, số 04/1976.
18. Nakamura, Rie. *Cham in Vietnam: Dynamic of Ethnicity*. Ph.D. Dissertation. Washington University, 1999.
19. Đỗ Văn Ninh (*Chủ biên*), Nguyễn Danh Phiệt, Đặng Kim Ngọc, Nguyễn Duy Hinh. *Lịch sử Việt Nam từ khởi thủy đến thế kỷ X*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
20. Phutra Noroya. *Trách nhiệm và thách thức đối với thanh niên Chăm tr- ớc thêm thế kỷ mới*. Trong "Tagalau", tập II 'Ram- wan', 11/2001.
21. Tổng cục thống kê. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999*. Kết quả điều tra toàn bộ. Nxb Thống kê. Hà Nội. 2001.
22. Nguyễn Văn Tỷ. *Thực trạng tôn giáo Bàni - một số giải pháp chính*, trong 'Tagalau', 2001, tập II "Ram- van".
23. Phan Lạc Tuyên. *Vấn đề nghiên cứu dân tộc Chăm*, trong "Kinh tế - Văn hoá dân tộc Chăm" - Viện Đào tạo mở rộng, Thành phố Hồ Chí Minh, 1992.
24. UBND huyện Ninh Hải. *Kết quả tổng điều tra nông thôn nông nghiệp và thủy sản năm 2001*.
25. UBND huyện Ninh Ph- ớc. *Kết quả tổng điều tra nông nghiệp và thủy sản năm 2001*.
26. *Văn kiện của Đảng về chính sách dân tộc*. Hà Nội, Nxb Sự thật, 1965.
27. *Văn kiện của Đảng và Nhà n- ớc về chính sách dân tộc*. Hà Nội, Nxb Sự thật, 1978.
28. Viện Dân tộc học. *Dân tộc Chăm*, trong "Các dân tộc ít ng- ời ở Việt Nam" (Các tỉnh phía Nam). Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984.
29. Trần Quốc V- ọng. *Văn hoá Việt Nam: Tìm tòi và suy ngẫm*. Nxb. Văn hoá dân tộc & Tạp chí Văn hoá nghệ thuật, Hà Nội, 2000.